

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Hoàng và bà Phan Thị Oanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 446/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Chị **Trần Lê Khải H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Nguyễn Văn T** trình bày được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **T** và chị **H** tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được **Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 07/12/2018. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng không được gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương hòa giải. Anh **T** và chị **H** sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh **T** yêu cầu được ly hôn với chị **H**.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là **Nguyễn Thiên C**, sinh ngày 24/03/2020. Hiện nay cháu **C** đang sống với

chị **H**. Ly hôn, anh **T** đồng ý giao cháu **C** cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng và anh **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu **C** 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Văn T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị **Trần Lê Khải H** vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh **T** và bị đơn chị **H** đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **T** cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Anh **T** được ly hôn với chị **H**; Về con chung: Giao 01 con chung cháu **C** cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng, anh **T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn T** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị **Trần Lê Khải H** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **T** và chị **H** tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **P**, tỉnh **Phú Yên** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 07/12/2018 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo anh **T**, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Anh **T** và chị **H** sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho chị **H** để lấy lời khai và hòa giải nhưng chị **H** không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay chị **H** vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy anh chị **H** không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa anh **T** và chị **H** đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **T** đối với chị **H**.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh **T** và chị **H** có 01 con chung tên là **Nguyễn Thiên C**, sinh ngày 24/03/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo anh **T** trình bày, hiện nay cháu **C** đang sống với mẹ là chị **H**. Tại biên bản xác minh đề ngày 20/02/2024, **Công an xã B**, **thành phố T** cung cấp thông tin: “...**chị H đang có mặt tại địa phương. Hiện cháu C đang sống với chị H...**”. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên cần tiếp tục giao cháu **C** cho chị **H** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh **T**, mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn anh **T** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Văn T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Văn T** được ly hôn với chị **Trần Lê Khải H**.

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên là **Nguyễn Thiên C**, sinh ngày 24/3/2020 cho chị **Trần Lê Khải H** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Nguyễn Văn T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 và chấm dứt khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh **Nguyễn Văn T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012614 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND xã H, H. P;
- (Số 131 ngày 07/12/2018)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang